TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 4 năm 2024
V/v "tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa Phiên toà: Ông Nguyễn Viết Anh;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;
Bà Nguyễn Thị Phẩm
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc "*tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hà Thị P, sinh năm 1988,
ĐKHKTT: xóm S, xã C, huyện T, tỉnh P.
Hiện nay đang ở nước ngoài.
- *Bị đơn*: Anh Đinh Văn T, sinh năm 1984,
ĐKHKTT: xóm S, xã C, huyện T, tỉnh P.
Hiện nay đang ở nước ngoài.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1961,
Ông Đinh Văn T, sinh năm 1963.
ĐKHKTT: xóm S, xã C, huyện T, tỉnh P.
(Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T, ông T, bà Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hà Thị P trình bày: chị P và anh Đinh Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 18/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh P. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, cả hai vợ chồng anh chị đều đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, trong thời gian ở nước ngoài giữa vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn T.

Về con chung: Chị Hà Thị P xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Đinh Ngọc L, sinh ngày 15/7/2007 và cháu Đinh B, sinh ngày 03/4/2013. Khi ly hôn chị P đề nghị Tòa án giao cháu L và cháu B cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh T đang ở nước ngoài, cháu L và cháu B đang ở cùng với ông bà nội là ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị Đ. Chị P đề nghị Tòa án tạm giao 02 cháu L và cháu B cho ông T và bà Đ (bố mẹ đẻ của anh T) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh T ở nước ngoài cho đến khi anh T trở về Việt Nam.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: chị Hà Thị P không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Hà Thị P tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Hà Thị P trình bày hiện nay chị không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài nên chị không thể cung cấp địa chỉ của anh T cho Tòa án được. Chị P đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh T ở nước ngoài thông qua bố mẹ đẻ của anh T là ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị Đ trình bày:

Về việc cung cấp địa chỉ hiện nay của anh T: ông T, bà Đ chỉ biết hiện anh T đang ở nước ngoài (Đài Loan). Hiện tại ông bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh T qua điện thoại nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở chỗ nào tại Đài Loan vì anh T không nói cho ông bà biết. Do vậy, ông bà không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh T tại nước ngoài cho Tòa án. Ông T, bà Đ từ chối nhận thay anh T các văn bản tố tụng của Tòa án.

Việc chị P làm đơn xin ly hôn anh T, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung ông T, bà Đ có quan điểm như sau: cả 02 cháu L và Lộc hiện nay đang được ông bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T, bà Đ nhất trí với quan điểm về con chung của chị P và đề nghị Tòa án giao 02 cháu L và Lộc cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi anh T, chị P ly hôn. Ông bà cũng đã thông báo cho anh T biết việc chị P khởi kiện đề nghị ly hôn, nuôi con tại Tòa án và anh T có nói lại với ông bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị P. Do vậy, ông bà đề nghị Tòa án tạm giao 02 cháu L và Lộc cho ông, bà tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian anh T ở nước ngoài. Ông T, bà Đ không yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con trong thời gian ông bà nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung của anh T, chị P. Ông T, bà Đ cam đoan sẽ tạo mọi điều kiện để 02 cháu L và Lộc được phát triển một cách tốt nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị P.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị P ly hôn anh Đinh Văn T.

Về con chung: Giao cháu Đinh Ngọc L - Sinh ngày 15/7/2007 và cháu Đinh B - Sinh ngày 03/4/2013 cho anh Đinh Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh Đinh Văn T ở nước ngoài tạm giao cháu Đinh Ngọc L, cháu Đinh B cho ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, cháu B cho

đến khi anh T về nước đón cháu.

Về án phí: Chị Hà Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Hà Thị P nộp đơn xin được ly hôn với anh Đinh Văn T tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Hiện nay cả chị P và anh T đều đang ở nước ngoài, điều đó được thể hiện tại văn bản số 28930/QLXNC-P3 ngày 31/10/2023 và văn bản số 2398/QLXNC-P3 ngày 31/01/2024 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Trong vụ án này chị P và anh T đều không có mặt ở Việt Nam. Chị P đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Ông T, bà Đ từ chối hợp tác trong việc nhận thay và thông báo đến cho anh T các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết ly hôn giữa chị P và anh T. Tòa án đã tiến hành thực hiện thủ tục niêm yết công khai, đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn giữa chị P và anh T tại nơi cư trú của các đương sự theo đúng quy định pháp luật.

Chị P, ông T, bà Đ đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P, anh T, ông T và bà Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Hà Thị P và anh Đinh Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 18/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh P. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng anh chị luôn hòa thuận, yêu thương nhau. Trong thời gian vợ chồng anh chị đi nước ngoài giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn T.

Anh Đinh Văn T hiện đang ở nước ngoài, chị Hà Thị P chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh Đinh Văn T ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài cho Tòa án. Theo yêu cầu của chị P, Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh T ở nước ngoài thông qua bố mẹ đẻ của anh T là ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị Đ.

Bố mẹ đẻ của anh Đinh Văn T - ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị Đ trình bày: hiện tại ông bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh T nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài vì anh T không nói cho ông bà được biết. Do vậy, ông bà không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh T cho Tòa án được. Ông Lợi, bà Đường từ chối nhận thay anh T các văn bản tố tụng của Tòa án. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành thực hiện thủ tục niêm yết công khai, đầy đủ các văn bản tố tụng

của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn giữa chị P và anh T tại nơi cư trú của anh T, ông T, bà Đ theo quy định pháp luật. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị P và anh T đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống ly thân đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Hà Thị P đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Đinh Văn T là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị P được chấp nhận.

- Về con chung: hồ sơ vụ án thể hiện trong thời kỳ hôn nhân chị Hà Thị P và anh Đinh Văn T có 02 con chung là cháu Đinh Ngọc L, sinh ngày 15/7/2007 và cháu Đinh B, sinh ngày 03/4/2013. Khi ly hôn chị P đề nghị Tòa án giao 02 cháu L và cháu B cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh T đang ở nước ngoài, nên chị P đề nghị Tòa án tạm giao 02 cháu L và cháu B cho ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị Đ (bố mẹ đẻ của anh T) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh T ở nước ngoài cho đến khi anh T trở về Việt Nam.

Xét thấy cả chị P và anh T hiện tại đều đang ở nước ngoài, còn 02 cháu L và cháu B thì đang sống cùng với ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị Đ. Ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị Đ hoàn toàn nhất trí với quan điểm về con chung của chị P và đề nghị Tòa án tạm giao 02 cháu L và cháu B cho ông bà được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh T ở nước ngoài. Hơn nữa, tại đơn trình bày nguyện vọng cháu L và cháu B đều thể hiện hai cháu có mong muốn được ở cùng với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo cho các con chung của anh T và chị P được phát triển một cách đầy đủ và tốt nhất cần giao 02 cháu L và cháu B cho anh Đinh Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi chị P và anh T ly hôn. Trong thời gian anh T ở nước ngoài thì ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị Đ vẫn tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu L và cháu B đến khi anh T trở về Việt Nam là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với anh T.

- Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: chị Hà Thị P không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Hà Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Phượng.

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Hà Thị P được ly hôn với anh Đinh Văn T.

[2] Về con chung: Giao cháu Đinh Ngọc L, sinh ngày 15/7/2007 và cháu Đinh B, sinh ngày 03/4/2013 cho anh Đinh Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên.

Trong thời gian anh T ở nước ngoài, ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị Đ có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Long và cháu Lộc đến khi anh T về nước sẽ bàn giao lại các cháu cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc.

Chị Hà Thị Phượng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh T.

Chị Hà Thị Phượng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Hà Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Hà Thị P đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do anh Trần Đức Minh nộp thay tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000058 ngày 08/11/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: chị Hà Thị P và anh Đinh Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Viết Anh